

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 08 – 7 - 2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Minh Sơn

+ Bà Mai Lương Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hương T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: số 46C Hẻm C phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: số 46C Hẻm C, phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

(Bà T có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 01 năm 2021 nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hương T với ông Phan Minh T kết hôn tại UBND phường D, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2001, hôn nhân do hai bên tự nguyện, Sau khi kết hôn vợ chồng tại số 46C, đường C Loa, phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh

phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là ông T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà T và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã gia đình không có lúc nào yên ổn hạnh phúc. Bà T đã cố gắng vun đắp tìm mọi cách giải quyết để vợ chồng hòa hợp, gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng cuộc sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được. Nên bà T yêu cầu tòa cho bà T được ly hôn ông Phan Minh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Thùy T, sinh 16/11/2002 và Phan Nguyễn Quỳnh N, sinh 13/10/2011, cháu T đã trưởng thành, cháu N đang ở với bố, mẹ. Ly hôn theo theo nguyện vọng của cháu N là được ở với mẹ nên bà T đồng ý nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông Tân cũng không đến tòa. Nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà vẫn yêu cầu xin ly hôn ông T và được nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hương T và ông Phan Minh T là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà T và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã gia đình không có hạnh phúc. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Thùy T, sinh 16/11/2002 và Phan Nguyễn Quỳnh N, sinh 13/10/2011, cháu T đã trưởng thành, để đảm bảo quyền lợi của N và cũng theo nguyện vọng của cháu N là

được ở với mẹ nên giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà NGuyễn Thị Hương T yêu cầu ly hôn ông Phan Minh T, nên xác định quan hệ tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. ông Phan Minh T có hộ khẩu tại, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* bà T và ông T có đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là ông T thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà T và bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã gia đình không có hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay bà T không đồng ý đoàn tụ gia đình và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên xin được ly hôn ông T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T đã được triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể hiện sự không tôn trọng pháp luật, hơn nữa không mong muốn đoàn tụ gia đình. Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cũng như các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra.

Tại biên bản xác minh khu phố việc mâu thuẫn của vợ chồng bà T tổ không biết nên không có cơ sở để hòa giải và cung cấp cho Tòa.

Từ đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy; Cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 xử cho bà Nguyễn Thị Hương T được ly hôn ông Phan Minh T là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Thùy T, sinh 16/11/2002 và Phan Nguyễn Quỳnh N, sinh 13/10/2011, cháu T đã trưởng thành,

để đảm bảo quyền lợi của N và cũng theo nguyện vọng của cháu N là được ở với mẹ nên giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[6] *Về tài sản chung*: Không có.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí*: bà T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hương T. Cho bà Nguyễn Thị Hương T và ông Phan Minh T được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao con chung tên Phan Nguyễn Quỳnh Nh, sinh 13/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Hương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

2.2 *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: bà Nguyễn Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0003650 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Hương T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Phan Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THA Đà Lạt;
- UBND, phường D, TP Đà Lạt.
- Dương sự;
- Lưu;

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền